



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Điểm thi Vòng 2 kỳ thi tuyển công chức**

**các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2023**

*(Kèm theo Thông báo số 49-TB/HĐTD ngày 25/ 3 /2024 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2023)*

-----

| STT | Họ, tên đệm                                                                                 | Tên   | Số báo danh | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng                    | Đối tượng ưu tiên | Điểm thi Vòng 2 |              |           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------|------------|---------|-------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|--------------|-----------|
|     |                                                                                             |       |             | Nam                   | Nữ         |         |                                                       |                   | Điểm thi        | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| I   | PHÒNG THI 301, TẦNG 3, GIẢNG ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỬ: tổng cộng có 24 thí sinh |       |             |                       |            |         |                                                       |                   |                 |              |           |
| 1   | Nguyễn Huyền                                                                                | Anh   | BN001       |                       | 05/01/1998 | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thị xã Quế Võ    |                   | 38.5            |              | 38.5      |
| 2   | Đặng Hải                                                                                    | Dương | BN002       | 02/04/1999            |            | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên huyện Gia Bình   |                   | 27.5            |              | 27.5      |
| 3   | Nguyễn Thị Ninh                                                                             | Giang | BN003       |                       | 09/10/2000 | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Tỉnh Đoàn                 |                   | 51              |              | 51        |
| 4   | Lê Trung                                                                                    | Hiếu  | BN004       | 12/10/1998            |            | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thành phố Từ Sơn |                   | 51              |              | 51        |
| 5   | Vũ Minh                                                                                     | Hiếu  | BN005       | 28/8/1997             |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Phong trào, Tỉnh Đoàn                 |                   | 39.5            |              | 39.5      |
| 6   | Lê Tuấn                                                                                     | Hùng  | BN006       | 22/11/1998            |            | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên huyện Lương Tài  |                   | 45              |              | 45        |



| STT | Họ, tên đệm     | Tên   | Số báo danh | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng                      | Đối tượng ưu tiên | Điểm thi Vòng 2 |              |           |
|-----|-----------------|-------|-------------|-----------------------|------------|---------|---------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|--------------|-----------|
|     |                 |       |             | Nam                   | Nữ         |         |                                                         |                   | Điểm thi        | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 7   | Đặng Công       | Huy   | BN007       | 23/12/2000            |            | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thị xã Thuận Thành |                   | 60              |              | 60        |
| 8   | Tạ Đăng         | Huỳnh | BN008       | 05/8/1997             |            | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thành phố Bắc Ninh |                   | 54.5            |              | 54.5      |
| 9   | Đinh Quang      | Hưng  | BN009       | 29/9/2000             |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Tổ chức Kiểm tra, Tỉnh Đoàn             |                   | 38.5            |              | 38.5      |
| 10  | Bùi Mỹ          | Linh  | BN010       |                       | 01/08/1999 | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Tỉnh Đoàn                   |                   | 33.5            |              | 33.5      |
| 11  | Trần Khánh      | Linh  | BN011       |                       | 11/07/2000 | Kinh    | Chuyên viên Ban Phong trào, Tỉnh Đoàn                   |                   | 64              |              | 64        |
| 12  | Đỗ Diệu         | Loan  | BN012       |                       | 31/10/1997 | Kinh    | Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Tỉnh Đoàn |                   | 52.5            |              | 52.5      |
| 13  | Lê Thúy         | Nga   | BN013       |                       | 18/8/1995  | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thành phố Từ Sơn   |                   | 58              |              | 58        |
| 14  | Vũ Thị Hà       | Ngân  | BN014       |                       | 16/12/1997 | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thành phố Từ Sơn   |                   | 71              |              | 71        |
| 15  | Nguyễn Thị Hồng | Ngoan | BN015       |                       | 28/8/2000  | Kinh    | Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Tỉnh Đoàn |                   | 46.5            |              | 46.5      |
| 16  | Hoàng Bảo       | Ngọc  | BN016       |                       | 09/01/1999 | Kinh    | Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Tỉnh Đoàn |                   | 50              |              | 50        |



| STT | Họ, tên đệm                                                                                 | Tên   | Số báo danh | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng                      | Đối tượng ưu tiên | Điểm thi Vòng 2 |              |           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------|------------|---------|---------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|--------------|-----------|
|     |                                                                                             |       |             | Nam                   | Nữ         |         |                                                         |                   | Điểm thi        | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 17  | Nguyễn Bá                                                                                   | Phúc  | BN017       | 31/12/1997            |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Tỉnh Đoàn                   |                   | 77              |              | 77        |
| 18  | Vương Thị Ngọc                                                                              | Quế   | BN018       |                       | 28/3/1997  | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Tỉnh Đoàn                   |                   | 46.5            |              | 46.5      |
| 19  | Hà Diễm                                                                                     | Quỳnh | BN019       |                       | 01/8/1999  | Kinh    | Chuyên viên Ban Tổ chức - Kiểm tra, Tỉnh Đoàn           |                   | 51              |              | 51        |
| 20  | Đặng Đình                                                                                   | Son   | BN020       | 03/02/1996            |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi - Trường học, Tỉnh Đoàn |                   | 50              |              | 50        |
| 21  | Đình Phan                                                                                   | Tấn   | BN021       | 06/11/2000            |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Tỉnh Đoàn                   |                   | Vắng thi        |              | Vắng thi  |
| 22  | Nguyễn Thị Hương                                                                            | Trang | BN022       |                       | 09/11/1999 | Kinh    | Chuyên viên Ban Tổ chức Kiểm tra, Tỉnh Đoàn             |                   | 60.5            |              | 60.5      |
| 23  | Trần Thị Thu                                                                                | Trang | BN023       |                       | 01/08/2000 | Kinh    | Chuyên viên công tác đoàn thanh niên thành phố Từ Sơn   |                   | 36              |              | 36        |
| 24  | Nghiêm Văn                                                                                  | Vượng | BN024       | 08/3/1998             |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo, Tỉnh Đoàn                   |                   | 58              |              | 58        |
| II  | PHÒNG THI 302, TẦNG 3, GIẢNG ĐƯỜNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGUYỄN VĂN CỬ: tổng cộng có 22 thí sinh |       |             |                       |            |         |                                                         |                   |                 |              |           |
| 1   | Nguyễn Nhân                                                                                 | Anh   | BN025       | 21/8/1998             |            | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn các Khu công nghiệp tỉnh          |                   | 75.5            |              | 75.5      |
| 2   | Lương Thị Thu                                                                               | Cúc   | BN026       |                       | 19/8/1980  | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn các Khu công nghiệp tỉnh          |                   | 50.5            |              | 50.5      |



| STT | Họ, tên đệm      | Tên    | Số báo danh | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng                            | Đối tượng ưu tiên | Điểm thi Vòng 2 |              |           |
|-----|------------------|--------|-------------|-----------------------|------------|---------|---------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|--------------|-----------|
|     |                  |        |             | Nam                   | Nữ         |         |                                                               |                   | Điểm thi        | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 3   | Nguyễn Thị       | Giang  | BN027       |                       | 28/01/1982 | Kinh    | Chuyên viên Liên đoàn Lao động thành phố Bắc Ninh             |                   | 52              |              | 52        |
| 4   | Nguyễn Thị       | Hiền   | BN028       |                       | 12/8/1986  | Kinh    | Chuyên viên Liên đoàn Lao động thành phố Từ Sơn               |                   | 54.5            |              | 54.5      |
| 5   | Nguyễn Thị Thanh | Hoài   | BN029       |                       | 15/4/1999  | Kinh    | Chuyên viên Liên đoàn Lao động huyện Yên Phong                |                   | 55.5            |              | 55.5      |
| 6   | Nguyễn Thu       | Hồng   | BN030       |                       | 22/10/2001 | Kinh    | Chuyên viên Ban Tài chính, Liên đoàn Lao động tỉnh            |                   | 30              |              | 30        |
| 7   | Phạm Văn         | Hùng   | BN031       | 08/4/1977             |            | Kinh    | Chuyên viên Ban Tuyên giáo - Nữ công, Liên đoàn Lao động tỉnh |                   | 38              |              | 38        |
| 8   | Đoàn Thị         | Khuyên | BN032       |                       | 25/9/2000  | Kinh    | Chuyên viên Ban Tài chính, Liên đoàn Lao động tỉnh            |                   | 54.5            |              | 54.5      |
| 9   | Trần Quang       | Nghĩa  | BN033       | 22/02/1999            |            | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn các Khu công nghiệp tỉnh                |                   | 71.5            |              | 71.5      |
| 10  | Nguyễn Thị       | Nhung  | BN034       |                       | 25/9/1989  | Kinh    | Chuyên viên Ban Tài chính, Liên đoàn Lao động tỉnh            |                   | 50              |              | 50        |
| 11  | Nguyễn Thị       | Nhung  | BN035       |                       | 08/08/1992 | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn ngành Xây dựng                          |                   | 34.5            |              | 34.5      |
| 12  | Nguyễn Thị Tuyết | Nhung  | BN036       |                       | 20/11/1979 | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn ngành Xây dựng                          |                   | 62.5            |              | 62.5      |



| STT | Họ, tên đệm  | Tên   | Số báo danh | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng             | Đối tượng ưu tiên              | Điểm thi Vòng 2 |              |           |
|-----|--------------|-------|-------------|-----------------------|------------|---------|------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------|--------------|-----------|
|     |              |       |             | Nam                   | Nữ         |         |                                                |                                | Điểm thi        | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |
| 13  | Nguyễn Mạnh  | Quý   | BN037       | 10/11/1991            |            | Kinh    | Chuyên viên Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh  |                                | 67              |              | 67        |
| 14  | Bùi Thị Ngọc | Quyên | BN038       |                       | 24/12/1983 | Kinh    | Chuyên viên Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh  |                                | 53.5            |              | 53.5      |
| 15  | Nguyễn Lâm   | Tới   | BN039       | 14/10/1983            |            | Kinh    | Chuyên viên Liên đoàn Lao động huyện Yên Phong |                                | 50              |              | 50        |
| 16  | Đoàn Đắc     | Thạo  | BN040       | 10/8/1989             |            | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn ngành Xây dựng           |                                | Vắng thi        |              | Vắng thi  |
| 17  | Vương Thùy   | Trang | BN041       |                       | 11/06/1986 | Kinh    | Chuyên viên Công đoàn ngành Giao thông Vận tải | Con Thương binh 43%            | 56              | 5            | 61        |
| 18  | Nguyễn Văn   | Diễn  | BN042       | 29/10/1988            |            | Kinh    | Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy        | Con bệnh binh 2/3 (61%)        | 38              | 5            | 43        |
| 19  | Nguyễn Phú   | Đông  | BN043       | 17/12/1994            |            | Kinh    | Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy        |                                | 55              |              | 55        |
| 20  | Nguyễn Thị   | Bình  | BN044       |                       | 25/12/1998 | Kinh    | Chuyên viên Mặt trận Tổ quốc huyện Tiên Du     |                                | 83              |              | 83        |
| 21  | Khúc Minh    | Tuấn  | BN045       | 13/07/1991            |            | Kinh    | Chuyên viên Mặt trận Tổ quốc huyện Tiên Du     | Con Thương binh hạng 4/4 (23%) | 50              | 5            | 55        |
| 22  | Nguyễn Xuân  | Trung | BN046       | 26/5/1999             |            | Kinh    | Chuyên viên Mặt trận Tổ quốc huyện Tiên Du     |                                | 63              |              | 63        |